

Bản án số: 69/2022/DS-ST
Ngày: 05 - 8 - 2022
V/v: “Tranh chấp dân sự về
Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn H.
2. Ông Nguyễn Thành P.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Dáng H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2019/TLST-DS ngày 16/10/2019 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXX-DS ngày 22/4/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 103/2022/QĐST-DS ngày 15/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1981. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã V, huyện T, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Cẩm T là: bà Nguyễn Trúc A, sinh năm 1995. (Có mặt).

(Văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân thị trấn N chứng thực ngày 09/10/2019).

Hộ khẩu thường trú: ấp Thị 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh A.

Địa chỉ liên hệ: ấp S, xã V, huyện T, tỉnh A.

2. Bị đơn: Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Địa chỉ: số 1, L, ấp Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh A.

Người đại diện theo pháp luật: ông Văn Hoàng Anh T. Chức vụ: Phó Chi

cục Trưởng Phụ trách Thi hành án dân sự huyện T .

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Quang T - Chức vụ: Phó Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện T . (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt). (Văn bản ủy quyền ngày 15/11/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 04/11/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T (do bà Nguyễn Trúc A , đại diện theo ủy quyền) trình bày: căn cứ vào Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2012/DS-ST ngày 18/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện T đã có hiệu lực pháp luật, bà T là người được thi hành án, có đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thi hành tài sản đối với người có nghĩa vụ thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã tiến hành kê biên bán đấu giá tài sản (của người phải thi hành án) là quyền sử dụng đất có diện tích 304m² đất (141m² đất ONT + 163m² đất CLN), thửa đất số 41, tờ bản đồ số 19 (đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A).

Theo Thông báo số 05/TBĐGTS ngày 15/01/2019, bà T đã làm thủ tục tham gia đấu giá và đặt cọc số tiền là 13.700.000 đồng. Sau khi đấu giá, bà T là người trúng đấu giá. Ngày 21/02/2019, bà T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ký kết Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, được công chứng ngày 05/03/2019 tại Văn phòng Công chứng Cao Thị Hồng C (số công chứng 385, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD).

Ngày 04/4/2019, bà T đã nộp thêm số tiền là 123.020.000 đồng vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T . Như vậy, tổng số tiền bà T (người trúng đấu giá) đã thanh toán mua tài sản đấu giá là 136.720.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày 04/4/2019 đến nay, bà T vẫn chưa được bàn giao tài sản và cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mua trúng đấu giá. Mặc dù bà T đã nhiều lần liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện để yêu cầu thực hiện hợp đồng nhưng Chi cục Thi án dân sự vẫn chưa giải quyết, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Nay, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá (công chứng ngày 05/3/2019), bàn giao và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 304m² (141m² đất ONT + 163m² đất CLN), thửa đất số 41, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A .

- Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A trả tiền lãi suất trong thời gian chậm thực hiện hợp đồng, với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền bà T đã thanh toán, tính từ ngày 04/6/2019 đến ngày 05/8/2022, có khấu trừ thời gian nghỉ dịch Covid-19 theo Công văn số 1189/TTYT ngày 04/8/2022 của Trung tâm Y tế huyện T, tỉnh A .

Tại văn bản ngày 16/5/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị

đơn Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (do ông Phạm Quang T, đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang thực hiện hợp đồng bán đấu giá tài sản (công chứng ngày 05/3/2019) theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhận thấy việc cưỡng chế giao tài sản bán đấu giá sẽ ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên Chi cục Thi hành án dân sự cần phải xin ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án để thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Qua nhiều lần xin ý kiến Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự huyện, tại Thông báo kết luận số 463/TB-UBND ngày 19/10/2020 của Trưởng Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự huyện, theo hướng thống nhất là Chi cục Thi hành án dân sự huyện chủ động phối hợp với địa phương tiến hành mời người được thi hành án và người phải thi hành án vận động thêm một lần nữa. Thời gian thực hiện trong tháng 10 năm 2020 sẽ báo cáo kết quả thực hiện cho Trưởng Ban Chỉ đạo Thi hành án huyện. Sau đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện mời các bên vận động, thuyết phục tự nguyện thỏa thuận thi hành án nhưng các bên không thống nhất.

Ngày 11/12/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã báo cáo trực tiếp Trưởng Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự huyện về việc vận động các bên không có hiệu quả và đề xuất Trưởng Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự huyện chỉ đạo các ngành liên quan hỗ trợ cưỡng chế giao tài sản. Ngày 10/6/2021, Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự huyện thống nhất việc cưỡng chế giao tài sản cho bà T nhưng phải xin chủ trương của Ban Thường vụ Huyện ủy thông qua cuộc họp Nội chính với nội dung: Ban thường vụ Huyện ủy cho chủ trương cưỡng chế giao tài sản trong một thời điểm thích hợp và có phương án, kế hoạch cưỡng chế phù hợp với tình hình dịch bệnh.

Khó khăn chưa thi hành được: do ông Nguyễn Văn T (ông T là em cô cậu ruột với bà M) cho rằng đất của ông, bà Nội nên ủy quyền cho ông Trần Chí Toàn là người có nhà và đất giáp ranh diện tích đất phải cưỡng chế. Do vậy Chấp hành viên hướng dẫn ông T gửi đơn khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật. Đến ngày 12/11/2013, Tòa án nhân dân huyện T có văn bản trả lại đơn khởi kiện do không có cơ sở.

Ý kiến đề xuất của Chi cục Thi hành án dân sự: việc kê biên tài sản là đúng quy trình của pháp luật, phần diện tích đất và lối đi vào 03 ngôi mộ được trừ ra để lại cho gia đình bà Hồ Thị M là đúng theo luật và phong tục. Vì vậy, cần giao tài sản cho người trúng đấu giá sớm nhất.

Nay, Chi cục Thi hành án dân sự đồng ý tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá. Bà T yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T trả lãi suất cho bà T trong thời gian chậm bàn giao tài sản mua trúng đấu giá thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện không đồng ý. Chi cục Thi hành án dân sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chậm bàn giao tài sản cho bà T là do lỗi khách quan, vì phải xin ý kiến của Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự huyện.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thực hiện nghĩa vụ giao tài sản như đã ký kết tại hợp đồng.

+ Bị đơn phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ là 22.203.327 đồng.

+ Án phí do bị đơn nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá”, theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự huyện T có địa chỉ tại thị trấn Núi Sập, huyện T, tỉnh A nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Phạm Quang Trưởng (là đại diện theo ủy quyền của bị đơn) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đúng với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung: bà Nguyễn Thị Cẩm T căn cứ vào Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá lập ngày 21/02/2019 (được công chứng ngày 05/3/2019) để khởi kiện yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, bàn giao và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 304m² (141m² đất ONT + 163m² đất CLN), thửa đất số 41, tờ bản đồ số 19, địa chỉ đất: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A. Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A trả tiền lãi suất trong thời gian chậm thực hiện hợp đồng, với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền bà T đã thanh toán, tính từ ngày 04/6/2019 đến ngày xét xử (không tính lãi suất từ ngày

01/01/2021 đến ngày 01/10/2021, do dịch bệnh Covid -19). Tại phiên tòa, người đại diện của bà T thống nhất nội dung Công văn số 1189/TTYT ngày 04/8/2022 của Trung tâm Y tế huyện T về thực hiện Chỉ thị 15, 16 trong giai đoạn chống dịch Covid-19, đồng ý khấu trừ thời gian tính lãi suất theo nội dung Công văn này.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

[4.1] Nguyên đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá lập ngày 21/02/2019 (công chứng ngày 05/3/2019) thì thấy, theo Thông báo đấu giá tài sản số 05/TBĐGTS ngày 15/01/2019 thì bà T đã thực hiện thủ tục về đấu giá tài sản và đặt cọc số tiền 13.700.000 đồng. Sau khi đấu giá, bà T là người trúng đấu giá. Ngày 21/02/2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T với bà Nguyễn Thị Cẩm T có ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, được Văn Phòng Công chứng Cao Thị Hồng Cúc chứng nhận ngày 05/3/2019. Theo đó, bà Nguyễn Thị Cẩm T mua tài sản đấu giá thành đối với diện tích 304m² (141m² đất ONT + 163m² đất CLN), thửa đất số 41, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A. Ngày 04/4/2019, bà T đã nộp thêm số tiền 123.020.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà T mua trúng đấu giá là 136.720.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện có trách nhiệm bàn giao tài sản và hồ sơ (bản chính) có liên quan đến tài sản đấu giá thành cho bà T trong thời hạn 30 ngày, trường hợp khó khăn, phức tạp thì không quá 60 ngày kể từ ngày Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thu đủ tiền bán tài sản.

[4.1.1] Xét thấy, bà T đã nộp đủ tiền mua tài sản đấu giá nhưng đến nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện T vẫn chưa bàn giao tài sản đấu giá thành cho bà T. Tại biên bản hòa giải ngày 03/12/2021, bị đơn cho rằng do tình hình dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp nên không tiến hành giao tài sản cho bà T được, khi nào tình hình dịch bệnh ổn định thì Chi cục Thi hành án sẽ tiến hành giao tài sản cho bà T chậm nhất đến ngày 18/01/2022 nhưng hết thời hạn nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T vẫn chưa thực hiện là vi phạm tại Điều 3 của Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T.

[4.1.2] Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng mua bán tài sản giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện T với bà Nguyễn Thị Cẩm T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng; hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các điều 119, 398 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T không thực hiện đúng nghĩa vụ của hợp đồng nên bà T yêu cầu tiếp tục thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 352, Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Do đó, buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thực hiện Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá lập ngày 21/02/2019 (công chứng ngày 05/3/2019), bàn giao tài sản và hồ sơ (bản chính) có liên quan đến tài sản đấu giá thành cho bà Nguyễn Thị Cẩm T (đảm bảo thủ tục sang tên chuyển quyền

sử dụng đất) đối với phần đất có diện tích 304m² (141m² đất ONT + 163m² đất CLN), thửa đất số 41, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A.

[4.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền 136.720.000 đồng, tính từ ngày 04/6/2019 đến ngày 05/8/2022 với lãi suất 10%/năm (có khấu trừ thời gian nghỉ dịch Covid-19 theo Công văn số 1189/TTYT ngày 04/8/2022 của Trung tâm Y tế huyện T, tỉnh A).

Tại Công văn số 1189/TTYT ngày 04/8/2022 của Trung tâm Y tế huyện T, tỉnh A về việc cung cấp thông tin thực hiện Chỉ thị 15, 16 của Thủ tướng Chính phủ trong giai đoạn chống dịch Covid-19, cụ thể: *“Ngày 31/3/2020, UBND tỉnh A ban hành Chỉ thị 726/CT-UBND về việc thực hiện các biện pháp cấp bách trong phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh, cách ly toàn xã hội trong 15 ngày. Từ ngày 15/4/2020 về sau, xen kẽ những đợt thực hiện Chỉ thị 15, Chỉ thị 16 của Chính phủ về hạn chế tập trung đông người. Đến ngày 22/10/2021, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định 3738/QĐ-UBND, về việc áp dụng tạm thời các biện pháp hành chính trong phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn huyện T, cho phép tập trung không quá 30 người. Sau khoảng thời gian này, tình hình đi lại bình thường”*.

[4.2.1] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện hợp đồng với mức thiệt hại là tiền lãi phát sinh 20%/năm, trên số tiền nguyên đơn đã thanh toán. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi suất với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 04/6/2019 đến ngày 05/8/2022 (có khấu trừ thời gian nghỉ dịch theo Công văn số 1189/TTYT ngày 04/8/2022 của Trung tâm Y tế huyện T, tỉnh A). Xét thấy, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu (10%/năm) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2.2] Xét, thời gian tính lãi suất, thấy rằng: trong giai đoạn từ ngày 31/3/2020 đến trước ngày 22/10/2021 tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, địa phương phải thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 và hạn chế tập trung đông người. Vì vậy, thời gian tính lãi suất được chia ra 02 giai đoạn để phù hợp với thời gian phòng, chống dịch Covid-19 tại địa phương.

- Giai đoạn 1: từ ngày 04/6/2019 đến ngày 30/3/2021 là 09 tháng 26 ngày (296 ngày); lãi suất 10%/năm (0,028%/ngày). Như vậy, lãi suất được tính như sau: (136.720.000 đồng x 0,028%) x 296 ngày = 11.331.353 đồng.

- Giai đoạn 2: từ ngày 22/10/2021 đến ngày 05/8/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 09 tháng 14 ngày (284 ngày); lãi suất 10%/năm (0,028%/ngày). Như vậy, lãi suất được tính như sau: (136.720.000 đồng x 0,028%) x 284 ngày = 10.871.974 đồng.

Tổng số tiền lãi của 02 giai đoạn là: 11.331.353 đồng + 10.871.974 đồng = 22.203.327 đồng. Do đó, buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm T số tiền lãi là 22.203.327 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bị buộc phải thực hiện hợp đồng và phải trả tiền lãi nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị Cẩm T không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 352, Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T .

1.1. Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thực hiện Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá lập ngày 21/02/2019 (công chứng ngày 05/3/2019), bàn giao tài sản và hồ sơ (bản chính) có liên quan đến tài sản đấu giá thành cho bà Nguyễn Thị Cẩm T (đảm bảo thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất) đối với phần đất có diện tích 304m² (141m² đất ONT + 163m² đất CLN), thửa đất số 41, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A .

1.2. Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm T số tiền lãi là 22.203.327 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm lẻ ba nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng).

1.3. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện T phải chịu 1.410.166 đồng (một triệu, bốn trăm mười nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Nguyễn Thị Cẩm T không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000416, ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A .

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Đề thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H